NÂNG CAO NĂNG LỰC PHÁT ÂM VÀ NGỮ ĐIỆU TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN CẢNH SÁT THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP MÔ PHỎNG ĐÓNG VAI

Bùi Thị Dung
Khoa Ngoại ngữ - Học viện Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: *Trong bối cảnh gia tăng giao tiếp xuyên biên giới, năng lực tiếng Anh, đặc biệt là phát âm và ngữ điệu phù hợp với chức năng ngữ dụng, trở thành yêu cầu nghiệp vụ quan trọng đối với lực lượng cảnh sát tại nhiều quốc gia. Bài báo tổng hợp bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của mô phỏng đóng vai (role-play simulation) trong cải thiện phát âm và ngữ điệu, từ đó đề xuất khung sư phạm tiếng Anh chuyên ngành (English for Specific Purposes – ESP) cho học viên cảnh sát. Kết quả cho thấy: (1) role-play cải thiện phát âm, độ trôi chảy và ngữ điệu với mức ảnh hưởng từ trung bình đến lớn (Cohen's d = 0,63–1,82) trong bối cảnh EFL/ESL; (2) các nghiên cứu tại Thái Lan, Malaysia và Indonesia ghi nhận khoảng cách giữa năng lực phát âm hiện tại và yêu cầu giao tiếp nghiệp vụ của học viên cảnh sát; và (3) tính xác thực của kịch bản là điều kiện quan trọng để chuyển giao kỹ năng từ lớp học sang thực địa. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất mô hình M-S-I-F gồm bốn giai đoạn: Modeling – Scripted Role-play – Improvised Role-play – Feedback on Prosody, cùng các nguyên tắc thiết kế kịch bản dựa trên hội thoại nghiệp vụ thực và định hướng nghiên cứu tiếp theo.*

Từ khóa: *role-play simulation; phát âm tiếng Anh; ngữ điệu; siêu đoạn tính; ESP; đào tạo cảnh sát; phân tích nhu cầu; giao tiếp nghiệp vụ.*

ENHANCING ENGLISH PRONUNCIATION AND INTONATION COMPETENCE AMONG POLICE CADETS THROUGH ROLE-PLAY SIMULATION

Abstract: *In the context of increasing cross-border communication, English communicative competence, particularly accurate pronunciation and intonation appropriate to pragmatic functions, has become an important professional requirement for police officers in many countries. This article synthesizes empirical evidence on the effectiveness of role-play simulation in improving English pronunciation and intonation and, on this basis, proposes an English for Specific Purposes (ESP) pedagogical framework for police cadets. The findings indicate that: (1) role-play improves pronunciation, fluency, and intonation, with medium to large effect sizes (Cohen's d = 0.63–1.82) in EFL/ESL contexts; (2) studies conducted in Thailand, Malaysia, and Indonesia have identified a gap between police cadets' current pronunciation competence and the communicative demands of professional policing contexts; and (3) scenario authenticity is an important condition for the transfer of skills from the classroom to real-world professional settings. Accordingly, the article proposes a four-stage M-S-I-F model—Modeling, Scripted Role-play, Improvised Role-play, and Feedback on Prosody—together with principles for designing scenarios based on authentic professional interactions and directions for future research.*

Keywords*: role-play simulation; English pronunciation; intonation; suprasegmentals; ESP; police training; needs analysis; professional communication.*

Nhận bài: 10/08/2026 Phản biện: 19/09/2026 Duyệt đăng: 14/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lực lượng thực thi pháp luật trong thế kỷ XXI đang hoạt động trong một môi trường ngôn ngữ ngày càng phức tạp và đòi hỏi cao hơn bao giờ hết. Sự bùng nổ của du lịch quốc tế, di cư lao động, tội phạm xuyên quốc gia cùng với xu hướng hợp tác cảnh sát quốc tế ngày càng sâu rộng thông qua các tổ chức như Interpol và ASEANAPOL đã đặt ra yêu cầu mới đối với đội ngũ sĩ quan cảnh sát ở mọi cấp bậc — từ tuần tra cơ sở đến điều tra viên — khi họ thường xuyên phải tương tác bằng tiếng Anh với những người không sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Trước thực tế đó, Poghosyan, Genjoyan và Matevosyan lập luận rằng tiếng Anh trong hoạt động cảnh sát đã không còn là kỹ năng bổ trợ mang tính "trang trí" cho hồ sơ cá nhân, mà đã trở thành thành tố cốt lõi của năng lực nghiệp vụ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thu thập lời khai, độ chính xác của biên bản hiện trường, hiệu quả trấn an nạn nhân người nước ngoài, và ở cấp độ vĩ mô hơn — hình ảnh quốc gia trong mắt cộng đồng quốc tế.

Điều đáng lưu ý là trong giao tiếp cảnh sát, phát âm và ngữ điệu không đơn thuần là vấn đề thẩm mỹ ngôn ngữ hay sự chuẩn mực học thuật. Chúng mang ý nghĩa nghiệp vụ trực tiếp và cụ thể: một câu lệnh được phát âm sai trọng âm có thể bị hiểu nhầm thành câu hỏi; một ngữ điệu lên giọng không phù hợp trong tình huống kiểm soát đám đông có thể bị diễn giải là thái độ khiêu khích; một chuỗi âm vị bị đơn giản hóa khi đọc số hiệu biển kiểm soát qua bộ đàm có thể dẫn đến sai lệch thông tin nghiệp vụ nghiêm trọng. Nói cách khác, phát âm và ngữ điệu trong bối cảnh cảnh sát mang tính rủi ro cao (high-stakes) theo đúng nghĩa của khái niệm này — mọi sai sót đều có thể kéo theo hệ quả pháp lý và an toàn trực tiếp, không thể sửa chữa sau thực tế.

Bức tranh thực trạng càng trở nên đáng lo ngại hơn khi nhìn vào các nghiên cứu phân tích nhu cầu (needs analysis) được thực hiện tại khu vực Đông Nam Á — nơi mật độ du lịch quốc tế cao trong khi tiếng Anh vẫn là ngoại ngữ (EFL) đối với đại đa số lực lượng cảnh sát. Karnchanachari, qua khảo sát cảnh sát đô thị tại Bangkok, phát hiện rằng nhu cầu giao tiếp cấp thiết nhất tập trung ở kỹ năng nghe–nói trong tương tác trực diện, và khuyến nghị rõ ràng rằng chương trình đào tạo cần chuyển từ mô hình ngữ pháp–dịch truyền thống sang các tình huống mô phỏng cộng tác phản ánh nhiệm vụ thực. Cùng hướng tiếp cận đó, Zakaria và Aziz trong nghiên cứu phân tích nhu cầu ESP với học viên cảnh sát Malaysia ghi nhận hai rào cản kép song hành: thiếu tự tin khi nói (rào cản cảm xúc) và thiếu vốn thuật ngữ cảnh sát chuyên ngành (rào cản ngôn ngữ), trong khi nhu cầu giao tiếp với người nước ngoài lại diễn ra gần như hằng ngày tại các đô thị lớn. Ở cấp độ âm vị học cụ thể hơn, Nugraha, Rahman và Sotlikova chỉ ra rằng cảnh sát du lịch Indonesia gặp khó khăn đặc thù trong việc phát âm hệ nguyên âm tiếng Anh — vốn phong phú hơn đáng kể so với tiếng Indonesia — và trong việc xây dựng câu hoàn chỉnh dưới áp lực thời gian thực của tình huống giao tiếp. Ba nghiên cứu này, dù được thực hiện độc lập tại ba quốc gia, hội tụ về một kết luận chung không thể phủ nhận: chương trình tiếng Anh hiện hành tại các học viện cảnh sát chưa đáp ứng được nhu cầu giao tiếp bằng lời, và khoảng cách lớn nhất nằm ở kỹ năng nói — trong đó phát âm và ngữ điệu là thành tố nền tảng.

Trước khoảng cách đó, mô phỏng đóng vai nổi lên như một giải pháp sư phạm tiềm năng đáng được xem xét nghiêm túc. Đây là hoạt động trong đó người học đảm nhận vai trò xã hội cụ thể và tương tác trong tình huống được thiết kế có chủ đích, với lịch sử ứng dụng lâu đời trong giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching). Điểm mạnh lý thuyết cốt lõi của phương pháp nằm ở chỗ nó tạo ra nhu cầu giao tiếp có thật ngay trong lớp học: người học phát âm không phải để "được chấm điểm phát âm" mà để hoàn thành một hành động xã hội có mục đích — hỏi, yêu cầu, giải thích, hay trấn an. Chính sự dịch chuyển từ luyện âm phi ngữ cảnh sang sản xuất lời nói có ý định giao tiếp này được xem là cơ chế then chốt giúp phát âm chuyển hóa từ tri thức tường minh thành phản xạ tự động bền vững. Nhằm kiểm chứng và hệ thống hóa cơ sở lý luận đó trong bối cảnh đào tạo cảnh sát, bài báo tập trung giải đáp ba câu hỏi nghiên cứu: (1) Bằng chứng thực nghiệm hiện có ủng hộ hiệu quả của role-play đối với phát âm và ngữ điệu tiếng Anh ở mức độ nào, và với những điều kiện điều tiết nào? (2) Bằng chứng trong bối cảnh cảnh sát và các nghề nghiệp tương đồng cho phép rút ra những nguyên tắc chuyển giao nào? (3) Một khung sư phạm ESP cho học viện cảnh sát nên được cấu trúc như thế nào để tối đa hóa tác động lên phát âm và ngữ điệu?

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Phát âm và ngữ điệu: từ âm đoạn tính đến siêu đoạn tính

Trong ngôn ngữ học ứng dụng, năng lực phát âm được phân tách thành hai tầng chính: (a) đặc trưng âm đoạn tính (segmental features) — độ chính xác của từng nguyên âm, phụ âm; và (b) đặc trưng siêu đoạn tính (suprasegmental features) — trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu. Nghiên cứu về tính dễ hiểu (intelligibility) trong giao tiếp quốc tế ngày càng nhấn mạnh rằng đặc trưng siêu đoạn tính có ảnh hưởng lớn hơn đến khả năng người nghe hiểu đúng thông điệp — điều đặc biệt quan trọng trong giao tiếp cảnh sát, nơi ngữ điệu phân biệt giữa mệnh lệnh ("Stay in the car.") và câu hỏi xác nhận ("Stay in the car?"), giữa yêu cầu lịch sự và cảnh cáo nghiệp vụ.

Vấn đề sư phạm nằm ở chỗ đặc trưng siêu đoạn tính rất khó dạy qua bài tập rời rạc: ngữ điệu chỉ tồn tại trong phát ngôn có ngữ cảnh và ý định giao tiếp. Đây chính là lý do lý thuyết khiến role-play — với ngữ cảnh và ý định giao tiếp được xây dựng sẵn — trở thành môi trường luyện ngữ điệu tự nhiên hơn hẳn bài tập nghe–nhắc lại truyền thống. Santoso và Prasetyo cung cấp bằng chứng thực nghiệm trực tiếp: role-play kịch bản hóa giúp người học nắm bắt nhịp điệu, trọng âm và mẫu ngữ điệu trong tiếng Anh nói một cách tự nhiên, đồng thời gia tăng đáng kể sự tự tin khi trình diễn lời nói trước đám đông.

2.2. Nền tảng lý thuyết của role-play trong thụ đắc phát âm

Ít nhất ba khung lý thuyết hội tụ để giải thích cơ chế tác động của role-play lên phát âm và ngữ điệu. Thứ nhất, Thuyết học tập tình huống (Situated Learning) cho rằng tri thức — bao gồm cả tri thức vận động–phát âm — được thụ đắc hiệu quả nhất khi gắn liền với bối cảnh sử dụng thực tế. Yan, Lowell và Yang vận dụng trực tiếp khung này khi thiết kế role-play trong môi trường thực

tế ảo và ghi nhận cải thiện kỹ năng nói với độ lớn hiệu ứng lớn. Thứ hai, Giả thuyết đầu ra (Output Hypothesis) của Swain nhấn mạnh việc buộc phải sản xuất ngôn ngữ — chứ không chỉ tiếp nhận — giúp người học nhận thức rõ khoảng cách giữa điều mình muốn diễn đạt và năng lực phát âm hiện tại, từ đó kích hoạt quá trình tự điều chỉnh và tái cấu trúc hệ thống liên ngôn ngữ. Thứ ba, cơ chế tự động hóa qua lặp lại có biến thể: Mirzayev chứng minh rằng phương pháp Eclectic kết hợp đóng vai với kỹ thuật shadowing giúp cải thiện đồng thời độ chính xác phát âm và độ trôi chảy, gợi ý rằng role-play phát huy tối đa hiệu quả khi được ghép cặp khoa học với kỹ thuật luyện âm có chủ đích.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo áp dụng thiết kế tổng quan tường thuật có hệ thống (systematic narrative review). Đây là phương pháp luận phù hợp nhất khi bộ bằng chứng có sự đa dạng lớn về thiết kế nghiên cứu — bao gồm thực nghiệm, phân tích nhu cầu, nghiên cứu hành động và phân tích hội thoại — và không đồng nhất về công cụ đo lường, không cho phép gộp phân tích meta-analysis.

Dữ liệu nghiên cứu được truy xuất có hệ thống từ bốn cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế: Scopus, Web of Science, ERIC và Google Scholar. Chiến lược tìm kiếm được cấu trúc dựa trên sáu cụm từ khóa kết hợp toán tử Boolean, bao phủ các khái niệm nền tảng về role-play và phát âm, bối cảnh cảnh sát và thực thi pháp luật, các ngành nghề tương đồng (hàng hải, hàng không, y tế), phương pháp công nghệ hỗ trợ, và các yếu tố tâm lý–xã hội liên quan. Quy trình sàng lọc hai giai đoạn — sàng lọc tiêu đề/tóm tắt và đánh giá toàn văn — được thực hiện độc lập bởi các nhà nghiên cứu. Tiêu chuẩn lựa chọn bao gồm: (i) đo lường trực tiếp phát âm, ngữ điệu hoặc thành tố nói; (ii) liên quan đến bối cảnh thực thi pháp luật hoặc các ngành nghề dịch vụ áp lực cao; (iii) cung cấp dữ liệu thực nghiệm, phân tích nhu cầu cụ thể hoặc tổng quan hệ thống được bình duyệt đồng nghiệp.

Dữ liệu từ các nghiên cứu được lựa chọn được trích xuất và phân tích theo ma trận ba chiều: Kết quả (phát âm/ngữ điệu/độ trôi chảy) × Cơ chế tác động (phản hồi/mô hình hóa/lặp lại) × Bối cảnh (EFL chung/nghề nghiệp nghiệp vụ/đào tạo cảnh sát). Độ mạnh của bằng chứng khoa học cho mỗi luận điểm được đánh giá định tính dựa trên bốn tiêu chí: số lượng nghiên cứu độc lập, tính đa dạng của thiết kế nghiên cứu, độ lớn hiệu ứng (effect size), và mức độ nhất quán của kết quả trên các quần thể mẫu khác nhau.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Hiệu quả của role-play đối với phát âm và ngữ điệu

Bằng chứng từ các nghiên cứu được tổng hợp cho thấy một bức tranh phân hóa có cấu trúc rõ ràng theo tầng ngôn ngữ, thay vì mâu thuẫn ngẫu nhiên. Đối với phát âm âm đoạn tính và độ trôi chảy, bằng chứng thực nghiệm đạt mức độ mạnh. Sự hội tụ giữa nghiên cứu thực nghiệm định lượng, hai tổng quan hệ thống độc lập, nghiên cứu hành động và nghiên cứu thực nghiệm Eclectic tạo thành một chuỗi bằng chứng đa dạng về thiết kế. Hiệu quả cải thiện phát âm và độ trôi chảy được ghi nhận nhất quán thông qua nhiều công cụ đo lường độc lập — từ rubric SOLOM-R, đánh giá chuyên gia độc lập, đến các bài kiểm tra phát âm chuẩn hóa — giúp gia tăng độ giá trị hội tụ (convergent validity) của kết luận sư phạm này.

Đối với ngữ điệu và đặc trưng siêu đoạn tính, bằng chứng đạt mức độ trung bình nhưng nhất quán về xu hướng tích cực. Nghiên cứu điển hình nhất đến từ bối cảnh đào tạo tiếng Anh chuyên ngành hàng hải của Hafita và Sumarta tại Sorong, ghi nhận mức cải thiện ngữ điệu vượt trội lên tới 39,4%. Nghiên cứu này có giá trị ngoại suy cao sang bối cảnh đào tạo cảnh sát do hai ngành nghề chia sẻ nhiều đặc điểm cấu trúc giao tiếp: ngôn ngữ có tính chuẩn hóa cao, môi trường làm việc áp lực cao yêu cầu tính chính xác tuyệt đối của thông điệp, và tần suất tương tác cao với người nước ngoài không sử dụng tiếng Anh làm tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, Ridayani và Purwanto xác nhận rằng khi đóng vai được hỗ trợ bởi công nghệ đa phương tiện, học viên đạt được tiến bộ đồng thời về phát âm, ngữ điệu và độ phù hợp ngữ dụng của lượt lời.

Về cơ chế tác động sư phạm, ba con đường chính được xác lập từ dữ liệu tổng hợp: (1) phản hồi sửa lỗi tức thời trong ngữ cảnh giao tiếp thực tế, khi người học tự nhận diện và điều chỉnh lỗi phát âm ngay khi lỗi đó cản trở mục đích giao tiếp; (2) mô hình hóa phát âm, trong đó giảng viên hoặc bạn diễn cung cấp các mẫu siêu đoạn tính sống động thể hiện rõ cảm xúc và ý định giao tiếp nghiệp vụ; (3) thực hành lặp lại có biến thể, giúp đẩy nhanh quá trình tự động hóa, chuyển hóa tri thức phát âm từ dạng tường minh sang phản xạ tự động.

4.2. Bằng chứng trong bối cảnh đào tạo cảnh sát

Bằng chứng trực tiếp trên quần thể học viên cảnh sát thưa thớt hơn nhưng đạt tính nhất quán cao về mặt tích cực. Nghiên cứu thực nghiệm tiên phong của Thitivesa và Siraphatthada trên học

viên cảnh sát Thái Lan khẳng định vai trò then chốt của đóng vai mô phỏng trong việc cải thiện đáng kể năng lực nói tiếng Anh nghiệp vụ. Turner, qua đánh giá hệ thống về role-play trong đào tạo cảnh sát, nhấn mạnh phương pháp này giúp xây dựng sự tự tin và năng lực ra quyết định nhanh, nhưng cũng cảnh báo về sự thiếu thống nhất trong khung đánh giá năng lực giữa các học viện hiện nay.

Điểm nghẽn thực tế lớn nhất được phát hiện trong nghiên cứu của Fountoulakis tại Học viện Sĩ quan Cảnh sát Hy Lạp: học viên đánh giá các bài tập mô phỏng đóng vai là hoạt động hấp dẫn và thiết thực nhất, nhưng đồng thời cũng là hoạt động gây áp lực lớn nhất, xuất phát từ hai rào cản chính — áp lực phải ứng biến ngôn ngữ ngay lập tức trước tập thể và sự thiếu hụt vốn từ vựng chuyên ngành tại thời điểm ứng biến. Kết luận này nhấn mạnh rằng để role-play thành công trong đào tạo cảnh sát, giảng viên bắt buộc phải xây dựng các cấu trúc nâng đỡ sư phạm (scaffolding) vững chắc trước khi yêu cầu học viên thực hành ứng biến tự do.

4.3. Đề xuất khung sư phạm

Từ kết quả tổng hợp bằng chứng, chúng tôi đề xuất Khung sư phạm M-S-I-F bốn giai đoạn dành riêng cho các học viện cảnh sát. Khung này được thiết kế để giải quyết đồng thời bốn yêu cầu cốt lõi: bảo đảm tính xác thực của ngôn ngữ nghiệp vụ, cung cấp cấu trúc nâng đỡ thuật ngữ và giảm áp lực tâm lý, bảo đảm tính can thiệp dài hạn hệ thống, và đặt trọng tâm vào rèn luyện các đặc trưng siêu đoạn tính.

Bảng 1: Khung sư phạm M-S-I-F trong đào tạo phát âm và ngữ điệu cho học viên cảnh sát

Giai đoạn	Hoạt động chính	Trọng tâm phát âm / siêu đoạn tính	Cơ sở lý luận
M - Modeling (Mô hình hóa)	Học viên nghe/xem bản ghi âm/ghi hình hội thoại nghiệp vụ thực tế; phân tích cấu trúc hội thoại và lượt lời có hướng dẫn	Nhận diện và phân tích contour ngữ điệu, trọng âm câu, và các khoảng ngừng tự nhiên trong lời nói nghiệp vụ thực địa	Stokoe; Santoso & Prasetyo
S - Scripted role-play (Đóng vai kịch bản)	Thực hành đóng vai theo kịch bản chuẩn hóa từ dữ liệu hội thoại thực tế; áp dụng kỹ thuật shadowing các lượt lời nghiệp vụ then chốt	Bắt chước chính xác mẫu ngữ điệu chuẩn; chỉnh sửa lỗi âm đoạn tính khó; tích lũy thuật ngữ nghiệp vụ	Nugraha et al.; Santoso & Prasetyo; Mirzayev
I - Improvised role-play (Đóng vai ứng biến)	Đóng vai ứng biến tự do trong các biến thể tình huống (thay đổi thái độ đối tượng: hợp tác, bất hợp tác, kích động; hoặc xuất hiện tình huống khẩn cấp)	Tự động hóa phản xạ phát âm dưới áp lực nhận thức cao; duy trì tính chính xác ngữ điệu chức năng khi ứng biến tự do	Karnchanachari; Kaygısız & Akar ; Thitivesa & Siraphatthada
F - Feedback on prosody (Phản hồi ngữ điệu)	Ghi âm/ghi hình lại buổi đóng vai; phản hồi có cấu trúc từ giảng viên kết hợp tự đối chiếu với mẫu âm chuẩn	Sửa chữa chi tiết các đường nét ngữ điệu sai lệch; phân tích cao độ bằng phần mềm âm học (Praat); khắc phục lỗi phát âm hệ thống	Stokoe; Ridayani & Purwanto; Fountoulakis

Để triển khai thành công khung M-S-I-F, ba nguyên tắc vận hành sư phạm sau đây cần được tuân thủ nghiêm ngặt. Nguyên tắc xác thực dữ liệu (Data Authenticity): toàn bộ kịch bản và tài liệu mô phỏng phải được trích xuất trực tiếp từ các tương tác nghiệp vụ thực tế để tránh hiện tượng học viên phát âm thành thạo các "phương ngữ lớp học" phi thực tế. Nguyên tắc nhúng chương trình (Curricular Integration): chu trình M-S-I-F không được triển khai dưới dạng các bài học đơn lẻ mà phải được nhúng đồng bộ, dài hạn vào chương trình học, lặp lại qua từng chủ đề nghiệp vụ cốt lõi xuyên suốt học kỳ. Nguyên tắc tăng dần độ khó (Graduated Improvised Progression): giảng viên

chỉ cho phép học viên chuyển sang giai đoạn đóng vai ứng biến tự do (I) sau khi họ đã hoàn toàn làm chủ kịch bản chuẩn hóa (S), nhằm kiểm soát và giảm thiểu áp lực tâm lý giao tiếp.

V. KẾT LUẬN

Mô phỏng đóng vai là phương pháp có bằng chứng thực nghiệm trong cải thiện phát âm, độ trôi chảy và ngữ điệu tiếng Anh chuyên ngành. Trong đào tạo học viên cảnh sát, sự kết hợp giữa cơ chế thụ đắc ngôn ngữ, kinh nghiệm từ các nghề có yêu cầu giao tiếp cao và các kết quả nghiên cứu hiện có cho thấy tiềm năng của khung M-S-I-F bốn giai đoạn. Khung này hướng tới phát triển năng lực phát âm siêu đoạn tính, sự tự tin và phản xạ giao tiếp nghiệp vụ trong các tình huống thực tế.

Tuy nhiên, bằng chứng trực tiếp trên học viên cảnh sát còn hạn chế, các phép đo ngữ điệu bằng công cụ âm học khách quan còn ít và chưa có thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng kiểm định toàn bộ khung M-S-I-F. Nghiên cứu tương lai cần: (1) thực hiện các RCT quy mô lớn tại học viện cảnh sát để so sánh M-S-I-F với phương pháp truyền thống; (2) sử dụng các chỉ số âm học khách quan như đường cao độ F0 trên Praat bên cạnh đánh giá bằng rubric; và (3) tiến hành nghiên cứu dọc 6–12 tháng sau tốt nghiệp để đánh giá độ bền vững và khả năng chuyển giao kỹ năng từ lớp học sang thực địa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

L. Poghosyan, G. Genjoyan, and V. Matevosyan, “English in Law Enforcement: Expanding the Role of Language in Policing,” Bulwark of Law Scientific-Methodical Journal, vol. 21, no. 15, pp. 191–198, 2026, doi: 10.63925/18294847-2026.bl21-15.

S. Karnchanachari, “A Needs Analysis of English Communication Requirements of Metropolitan Police: Implications for Training and Skill Development,” PASAA: Journal of Language Teaching and Learning in Thailand, vol. 69, no. 1, pp. 62–91, 2024, doi: 10.58837/CHULA.PASAA.69.1.3.

Z. S. Zakaria and A. A. Aziz, “Police’s Voice: A Need Analysis of ESP for Police Trainees in Malaysia,” World Journal of English Language, vol. 13, no. 8, pp. 320–334, 2023, doi: 10.5430/wjel.v13n8p320.

I. M. I. P. Nugraha, A. Rahman, and R. Sotlikova, “Investigating EFL Police Officers’ Learning Needs and Problems in English Listening and Speaking Skills: An English Specific Purposes (ESP) Context,” Journal of Language and Literature Studies, vol. 4, no. 1, pp. 84–97, 2024, doi: 10.36312/jolls.v4i1.1800.

I. B. Santoso and S. Prasetyo, “Improving Students’ Confidence in Speaking Skills Using Scripted Role Play at Yogyakarta Tourism Academy,” Ahmad Dahlan Journal of English Studies, vol. 11, no. 1, pp. 13–26, 2024, doi: 10.26555/adjes.v11i1.751.

W. Yan, V. L. Lowell, and L. Yang, “Developing English language learners’ speaking skills through applying a situated learning approach in VR-enhanced learning experiences,” Virtual Reality, vol. 28, no. 4, p. 167, 2024, doi: 10.1007/s10055-024-01061-5.

E. Mirzayev, “Enhancing Pronunciation Skills through the Eclectic Method in University-Level English Teaching,” EuroGlobal Journal of Linguistics and Language Education, vol. 1, no. 2, pp. 139–148, 2024, doi: 10.69760/egjlle.2024.046.

S. Kaygısız and H. Akar, “Role-playing as an instructional technique in English as a foreign language and English as a second language settings: a systematic review,” Cambridge Journal of Education, vol. 55, no. 3, pp. 441–467, 2025, doi: 10.1080/0305764x.2025.2480579.

T. M. S. B. Siregar, S. A. R. Manik, H. R. Elly, A. C. Nadeak, N. H. Purba, and N. R. P. Panjaitan, “The Effectiveness of Role Play in Improving EFL Students’ Speaking Ability: A Systematic Literature Review,” International Journal of Education and Literature, vol. 5, no. 1, pp. 122–125, 2026, doi: 10.55606/ijel.v5i1.355.

E. Stokoe, “The (In)Authenticity of Simulated Talk: Comparing Role-Played and Actual Interaction and the Implications for Communication Training,” Research on Language and Social Interaction, vol. 46, no. 2, pp. 165–185, 2013, doi: 10.1080/08351813.2013.780341.

Y. Hafita and R. Sumarta, “Community Service: Role Play Maritime English Training for Ampari Maritime Vocational School Students in Sorong,” Jurnal Pengabdian Sains dan Humaniora, vol. 5, no. 1, pp. 68–74, 2026, doi: 10.32938/jpsh.v5i1.10604.

R. Ridayani and M. B. Purwanto, “Enhancing Speaking Skills Through Role Play and Multimedia Technology,” Refleksi: Jurnal Penelitian Tindakan, vol. 2, no. 2, pp. 33–43, 2024, doi: 10.70437/refleksi.v2i2.413.

D. Thitivesa and Y. Siraphatthada, “The Effects of Role Playing on English Speaking in the Context of a Professional Development Program Designed for Law Enforcement Officers,” Proceedings of the International Academic Multidisciplinary Research Conference in Vienna 2019, pp. 248–255, 2019.

A. H. Turner, “Police education and role play: Insights from the literature,” The Police Journal: Theory, Practice and Principles, vol. 95, no. 4, pp. 750–775, 2021, doi: 10.1177/0032258x211031516.

M. S. Fountoulakis, “Standardizing ESP Pedagogy: A Critical Evaluation of Language Training for Law Enforcement Cadets,” International Journal of Higher Education Pedagogies, vol. 6, no. 1, pp. 23–34, 2025, doi: 10.33422/ijhep.v6i1.914.